

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ TIẾN TRIỂN CỦA Ý TƯỞNG HỢP TÁC ĐÔNG Á Ở NỬA ĐẦU NHỮNG NĂM 90 THẾ KỶ XX

NGUYỄN THU MỸ*

Mười năm trước đây, ngày 14 tháng 12 năm 1997, tại Cuala Lumpua, nơi nảy sinh ý tưởng hợp tác Đông Á, các nhà lãnh đạo các quốc gia thành viên ASEAN đã tiến hành cuộc gặp đầu tiên với cả ba nhà lãnh đạo của 3 nước Đông Bắc Á là Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc. Sau cuộc gặp trên, họ đã tiến hành hợp thượng đỉnh riêng với từng đối tác Đông Bắc Á. Từ những cuộc gặp lịch sử đó, tiến trình Hợp tác ASEAN + 3 đã chính thức được thiết lập.

Sự ra đời của Hợp tác ASEAN + 3 là kết quả tất yếu của những cố gắng không mệt mỏi trong quá trình nuôi dưỡng và phát triển chủ nghĩa khu vực của các nhà lãnh đạo quốc gia ở vùng này. Ngày nay, người Đông Á chúng ta đã có thể tự hào nói về khu vực mình với tư cách là một nhóm nước châu Á được gắn kết với nhau bằng một Tầm nhìn chung, một tương lai chung bên cạnh những gắn kết về địa lý,

chủng tộc, lịch sử và văn hoá.

Trong những năm qua, thông qua các cơ chế hợp tác ngày càng nhiều về số lượng và đa dạng về hình thức, Hợp tác ASEAN + 3 đã được triển khai trên tất cả các lĩnh vực. Những kết quả hợp tác đó đang tạo nên xung lực mới cho hợp tác khu vực ở Đông Á và khuyến khích các nhà lãnh đạo các quốc gia thành viên chuẩn bị ra Tuyên bố thứ hai về Hợp tác Đông Á tại Hội nghị cấp cao ASEAN + 3 lần thứ 10 họp vào cuối năm nay.

Những kết quả của Hợp tác Đông Á hiện nay bắt nguồn từ ý tưởng thành lập một Nhóm kinh tế Đông Á (EAEG) do Thủ tướng Malaixia Mahathia Mohamat đề xuất từ năm 1990 và từ ý tưởng thành lập Diễn đàn kinh tế Đông Á (EAEC) của ASEAN. Vậy EAEG đã ra đời trong bối cảnh nào? Quá trình cải biến nó thành EAEC ra sao? Đó là những nội dung bài mà viết này sẽ đề cập tới.

* PGS. TS Nguyễn Thu Mỹ, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

1. Bối cảnh ra đời ý tưởng Hợp tác Đông Á

Ngày 23 tháng 10 năm 1991, với việc ký Hiệp định Pari về Campuchia cuộc khủng hoảng Campuchia kéo dài từ 1978 cho tới lúc đó, đã được giải quyết về cơ bản. Cùng với toàn thể loài người, Đông Nam Á bước vào thời kỳ lịch sử mới: thời kỳ Hậu chiến tranh lạnh.

Chiến tranh lạnh kết thúc đã đem tới cho các nước trong khu vực này những cơ hội phát triển mới. Lần đầu tiên, kể từ năm 1978, các nước Đông Nam Á đã thật sự có điều kiện để tập trung những cố gắng của mình vào việc phát triển đất nước. Phát triển kinh tế được xem là ưu tiên cao nhất của hầu hết các quốc gia trong vùng. Ý thức hệ không còn là hàng rào ngăn cản sự hợp tác giữa các quốc gia có chế độ chính trị khác nhau. Trong nhiều khu vực, các mối bất hoà đã và đang được hoà giải. Nhiều cuộc xung đột đã được giải quyết thông qua thương lượng hơn là đối đầu. Những đặc điểm mới đó trong quan hệ quốc tế đã ảnh hưởng tích cực tới Đông Nam Á và tạo cơ hội phát triển trong hoà bình cho các nước ở khu vực này.

Tuy nhiên, ở thời kỳ Hậu chiến tranh lạnh, các nước ASEAN đã phải phải đối phó với những thách thức không nhỏ.

Trên bình diện kinh tế, thách thức xuất phát từ việc xuất hiện những nhóm kinh tế hùng mạnh bao gồm các nước công nghiệp phát triển như Thị trường chung châu Âu hoặc Khu vực mậu dịch tự do Bắc Mỹ - NAFTA. Những khối mậu dịch có tính chất phân biệt đối xử đó đã

gây trở ngại cho hàng hoá xuất khẩu của ASEAN khi thâm nhập vào các thị trường truyền thống này. Theo Ngân hàng thế giới, trong thời gian từ năm 1980 đến 1983, tất cả các hàng rào phi thuế quan đã tăng gấp hai lần ở Mỹ và 38% ở các nước thuộc Thị trường chung châu Âu. Có khoảng 29% tổng nông sản xuất khẩu của các nước đang phát triển sang các nước công nghiệp phát triển chịu ảnh hưởng của các hàng rào phi thuế quan trên⁽¹⁾.

Một khó khăn khác đặt ra đối với sự phát triển kinh tế của ASEAN là tình trạng khan hiếm về FDI trên thế giới. Thật vậy, do được thuyết phục bởi những giá trị của hội nhập kinh tế mà các nước công nghiệp hoá mới đã và đang thực thi, ở thời kỳ Hậu chiến tranh lạnh, hầu hết các nước đang phát triển đều thi hành chính sách mở cửa kinh tế nhằm khai thác những lợi ích do toàn cầu hoá về kinh tế đem lại. Trong khi đó, nguồn FDI trên thế giới chỉ có hạn. Để giành được FDI, các nước đang phát triển, trong đó có ASEAN, đã phải bước vào một cuộc cạnh tranh vô cùng gay gắt.

Trong cuộc cạnh tranh mới này, các nước thành viên cũ của ASEAN ở vào thế bất lợi. So với Trung Quốc, ASEAN đã mất các lợi thế so sánh trong các ngành công nghiệp tập trung lao động. Giá lao động và giá thuê đất ở đặc khu kinh tế Thâm Quyển thấp hơn 40% so với chính giá đó ở đảo Bantam, Indônêxia. Tỷ lệ thuế công ty ở các đặc khu kinh tế của Trung Quốc cũng tương tự như thuế công ty ở Hồng Kông.

Ngoài những lợi thế so sánh về nhân

công, tài nguyên và tiềm năng thị trường, từ 1992, Chính phủ Trung Quốc đã nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư trong nước và đưa thêm nhiều ưu đãi khác nhằm thu hút FDI vào nền kinh tế của họ. Danh mục những ngành công nghiệp mở cửa cho đầu tư nước ngoài được mở rộng thêm. Ngoài các khu vực ven biển, các nhà đầu tư ngoại quốc có thể xây dựng các cơ sở sản xuất của họ ở các thành phố lớn nằm dọc biên giới và dọc sông Dương Tử. Nhờ đó, Trung Quốc đã thu hút được lượng FDI khổng lồ. Vào năm 1992, vốn đầu tư từ Hồng Kông đã lên tới 7,7 tỷ USD so với 2,7 tỷ USD vào 1991. Đầu tư của Đài Loan cũng tăng từ 471 triệu lên 1 tỷ USD cùng thời kỳ, trong khi đó đầu tư từ Xingapo lên 126 triệu USD vào 1992 so với 56 triệu USD vào 1991. Các con số tương ứng của Nhật Bản là 748 triệu USD và 611 triệu USD⁽²⁾.

Mất các lợi thế so sánh trong những ngành công nghiệp tập trung lao động, một số nước ASEAN có trình độ phát triển cao (Thái Lan, Malaixia) đã nhận thấy sự cần thiết phải chuyển sang các ngành công nghệ tập trung vốn và sử dụng những công nghệ có hàm lượng trí tuệ cao. Bước chuyển này đã không thực hiện được do thiếu vốn đầu tư và thiếu đội ngũ lao động lành nghề.

Những thực tế kể trên làm cho sức hấp dẫn của ASEAN với tư cách là những thị trường đầu tư bị giảm sút nghiêm trọng. Vì thế, từ 1992 tới nay, nguồn FDI chảy vào các nền kinh tế ASEAN ngày càng ít đi. Nếu vào năm 1990, ba nước ASEAN (Indônêxia, Thái Lan, Malaixia) chiếm tới 80% FDI của Đông Bắc Á chảy vào Đông Nam Á và Trung Quốc, thì tới 1991, phần

của họ chỉ còn 59%. Tới 1992 giảm xuống còn 40% trong khi đó phần của Trung Quốc chiếm 58%. Vốn đầu tư của các NIEs Đông Bắc Á vào các nước ASEAN trên chỉ còn 11% vào năm 1993 so với 80% là phần của Trung Quốc trong tổng FDI của các nước trên ở Đông Nam Á và Trung Quốc⁽³⁾.

Trên bình diện an ninh, những vấn đề do lịch sử để lại (tranh chấp lãnh thổ, tôn giáo, sắc tộc) vốn được tạm gác lại trong giai đoạn chiến tranh lạnh nay có thể bùng nổ bất cứ lúc nào, nếu các nước trong khu vực không có chính sách thoả đáng để giải quyết hay ít nhất là kiểm soát các vấn đề đó.

Để duy trì được đà tăng trưởng kinh tế mà các nước ASEAN đã có được từ nửa sau những năm 80⁽⁴⁾ và duy trì môi trường hoà bình và an ninh khu vực trong bối cảnh mới của khu vực và quốc tế, một mặt các nhà lãnh đạo ASEAN đã quyết định đưa hợp tác khu vực lên một bình diện mới với việc mở rộng hợp tác khu vực sang lĩnh vực an ninh, mở rộng ASEAN, thành lập AFTA, mặt khác, tăng cường hợp tác quốc tế, nhất là với các nước Đông Á, vốn có sự tương đồng về lịch sử văn hoá và tinh thần tự cường quốc gia cao tương tự như ASEAN.

2. Quá trình hình thành và tiến triển của ý tưởng Hợp tác Đông Á

2.1. Ý tưởng thành lập Nhóm kinh tế Đông Á và những nỗ lực của Malaixia nhằm hiện thực hoá ý tưởng trên

Ý tưởng thiết lập một cơ chế hợp tác giữa các nước Đông Á được Thủ tướng

Mahathia Mohamat của Malaixia đưa ra vào năm 1990. Theo sự hình dung của ông, EAEG sẽ bao gồm 6 nước thành viên ASEAN, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Hồng Công, Trung Hoa Đài Bắc và Việt Nam. Nhóm này sẽ gặp nhau nếu và khi cần thiết, hoặc ngay sau AMM và AMM/PMC hàng năm, hoặc sau Hội nghị thường niên các Bộ trưởng kinh tế ASEAN để thảo luận các vấn đề thuộc mối quan ngại chung đối với các nền kinh tế Đông Á.

Việc đề xuất thành lập một Nhóm kinh tế Đông Á là một ý tưởng rất táo bạo vào thời gian đó. Cho tới khi Mahathia Môhamát đề xuất nó, khái niệm Đông Á với tư cách là một chủ nghĩa khu vực còn chưa tồn tại ở vùng này⁽⁵⁾. Đông Á là một khái niệm khu vực mới, vì hầu hết các nước đã được lôi cuốn vào các thể chế hợp tác kinh tế khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Đông Nam Á và Thái Bình Dương, như APEC, ASEAN và Hội đồng hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (PECC). Do vậy, lúc mới được đề xuất, khái niệm Đông Á rất khó được chấp nhận đối với các nước khu vực vì APEC hiện ra lù lù với tư cách là một thể chế khu vực hữu ích và thu hút nhiều nước ở Đông Á⁽⁶⁾.

Sự táo bạo trong ý tưởng EAEG của Thủ tướng Malaixia là ở chỗ trước Mahathia Môhamát, trong thời gian thế chiến thứ hai, Nhật Bản đã đề xuất ý tưởng về "Khối Thịnh vượng chung Đông Á" nhưng thất bại. Sự thất bại của tư tưởng Đại Đông Á do người Nhật đề xuất không chỉ là do Nhật hoàng đã thực thi ý tưởng này bằng các cuộc chiến tranh mà còn do giữa các nước trong vùng chưa tồn tại những liên

kết về kinh tế khiến họ trở nên phụ thuộc vào nhau trong lĩnh vực này.

Khi Mahathia Môhamát đề xuất EAEG, nền kinh tế Đông Á đã có một diện mạo hoàn toàn khác. Quá trình hội nhập về kinh tế giữa các quốc gia trong vùng đã hình thành trong thực tế dưới tác động của các lực lượng thị trường. Quan hệ mậu dịch giữa các nước Đông Á với nhau phát triển rất nhanh chóng (xem bảng 1).

Bảng 1: Buôn bán nội bộ⁽⁹⁾ giữa các nước Đông Á từ 1980 - 1995

Khu vực	1980	1985	1990	1995
Đông Á-15 ^(a)	34.7	40.2	45.6	55.5
Đông Á-14 ^(b)	21.6	29.1	36.4	43.7
NIEs-4	7.7	10.7	14.3	18.1
ASEAN-10 ^(c)	18.0	20.3	18.9	24.1
NAFTA	33.8	38.7	37.9	43.2
EU-15	52.4	52.5	58.6	56.8

Chú thích: (a) Đông Á - 15 gồm Đông Á-14 và Nhật Bản.

(b) Đông Á - 14 gồm NIEs Châu Á (Hồng Công, Hàn Quốc, Xingapo và Đài Loan), ASEAN-9 (Brunây, Campuchia, Indônêxia, Lào, Malaixia, Mianma, Philippin, Thái Lan, Việt Nam) và Trung Quốc.

(c) ASEAN - 10 gồm ASEAN - 9 và Xingapo.

Nhìn vào bảng trên có thể thấy nếu trong những năm 80 thế kỷ XX, buôn bán giữa 15 nước và vùng lãnh thổ ở Đông Á chỉ chiếm 34,7% tổng buôn bán quốc tế của họ, thì 10 năm sau, con số đó là 45,6%.

Tới năm 1995, giá trị buôn bán trong Đông Á 15 đã xấp xỉ giá trị buôn bán trong nội bộ NAFTA⁽⁸⁾.

Điều đáng lưu ý là "Sự nhảy vọt trong buôn bán nội bộ là sự phát triển tự nhiên, tức là nó đạt được như vậy mà không có những thoả thuận mậu dịch chính thức nào. Trên cơ sở phát triển mậu dịch của Đông Á, Ngân hàng thế giới khi đó dự báo rằng vào năm 2000, một nửa tăng trưởng mậu dịch của thế giới sẽ được sản sinh từ Đông Á⁽⁹⁾.

Trong lĩnh vực đầu tư trực tiếp, Đông Á cũng có bước phát triển khiến thế giới phải chú ý. Nhật Bản trở thành nhà đầu tư lớn nhất trong khu vực. Hoa Kỳ và EU chỉ xếp ở vị trí thứ 2 và 3. Trong thời gian từ 1988 - 1993, FDI từ Nhật Bản vào khu vực ASEAN 6 đã đạt trên mức 22 tỷ đô la Mỹ. Vào năm 1996, tổng giá trị FDI mà Nhật Bản đầu tư vào các nước trên là 21 tỷ đô la Mỹ. Indônêxia, Xingapo và Thái Lan là những nước tiếp nhận JDI lớn nhất ở Đông Nam Á. Chỉ riêng Indônêxia đã thu hút hơn 2,3 tỷ đô la Mỹ. Đầu tư trực tiếp của Nhật Bản vào nền kinh tế Trung Quốc cũng không ngừng tăng lên. Nếu vào năm 1992, tổng giá trị FDI của Nhật Bản ở Trung Quốc mới chỉ vào khoảng 1 tỷ đô la Mỹ, thì tới năm 1995, con số đó đã lên tới 4,2 tỷ⁽¹⁰⁾.

Tuy ở vị trí thấp hơn Nhật Bản, nhưng đầu tư của Hàn Quốc vào Trung Quốc cũng rất đáng kể. Năm 1993, tổng FDI của Hàn Quốc trong nền kinh tế Trung Quốc là 264 triệu đô la Mỹ, tới năm 1996 đã lên tới 824 triệu đô la và lên tới đỉnh 936 triệu USD vào năm 1996⁽¹¹⁾.

Ngoài Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc,

Hồng Kông đã trở thành các nguồn cung cấp FDI lớn cho các quốc gia trong khu vực. Các nhà đầu tư lớn nhất ở Trung Quốc là các công ty của người Hoa ở các vùng lãnh thổ trên.

Sự gia tăng các quan hệ mậu dịch và đầu tư trong nội bộ Đông Á phản ánh hai khuynh hướng sau:

Thứ nhất, các nước Đông Á đang ngày càng buôn bán và đầu tư vào lãnh thổ của nhau nhiều hơn. Đây là tiền đề kinh tế rất quan trọng cho sự ra đời của các tổ chức hợp tác khu vực ở vùng này.

Thứ hai, các quan hệ hợp tác đầu tư giữa các nước trong khu vực đã tự phát dẫn tới sự liên kết kinh tế ở Đông Á. Sự liên kết này khác với hẳn với quá trình liên kết khu vực ở châu Âu, vốn được dẫn dắt bởi ý chí chính trị của các nhà lãnh đạo các quốc gia lớn ở khu vực này. Như vậy là, trước khi các nhà lãnh đạo Đông Á nhận ra nhu cầu thiết lập một cơ chế hợp tác khu vực ở Đông Á, quá trình liên kết kinh tế khu vực đã ra đời và đang ngày càng phát triển ở phần này của thế giới. Sự liên kết đó do các lực lượng thị trường dẫn dắt.

Có lẽ thực tế hội nhập kinh tế ở Đông Á cộng với sự bất bình với chính sách phân biệt đối xử mà Mỹ và EU đang thực thi thông qua việc xây dựng NAFTA và Một thị trường chung của châu Âu đã thúc đẩy Thủ tướng Mahathia Môhamát của Malaixia đề xuất ý tưởng hợp tác Đông Á. Theo ông, các nước Đông Á (Đông Nam Á cộng với Đông Bắc Á) cần phải tăng cường tham vấn và hợp tác để giúp các nền kinh tế phát triển kém hơn trong

khu vực vượt qua những khó khăn và giúp các nền kinh tế đang chuyển đổi như Campuchia, Lào, Việt Nam cải cách và tái thiết.

Để có được sự ủng hộ của các nước ASEAN, Bộ trưởng Bộ mậu dịch quốc tế và Công nghiệp của Malaixia đã tiến hành giải thích ý tưởng EAEG cho học. Những nỗ lực của Malaixia đã đưa tới việc triệu tập Hội nghị các quan chức kinh tế cao cấp đặc biệt ở Băng Đung, Indônêxia vào ngày 15-16/ 3/1991. Đây là lần đầu tiên EAEG được chính thức thảo luận trong khuôn khổ ASEAN.

2.2. Diễn đàn kinh tế Đông Á (EAEC), bước tiến mới của ý tưởng Hợp tác Đông Á

Sáu tháng sau, EAEG lại được thảo luận một lần nữa tại AEM lần thứ 23 họp ở Malaixia tháng 10/ 1991. Phát biểu tại lễ khai mạc AEM này, Thủ tướng Mahathia Môhamát nhấn mạnh tới sự cần thiết làm việc cùng các nền kinh tế Đông Á thông qua việc thiết lập EAEG. Theo ông, nếu chỉ mình các nước thành viên ASEAN sẽ không đủ mạnh để tạo ra sự khác biệt trong thương mại thế giới; rằng EAEG sẽ phù hợp với GATT. Nó sẽ không phải là một khối kinh tế vì nó ủng hộ buôn bán tự do và nó sẽ không làm tổn hại tới sự cố kết của ASEAN.

Tuy nhiên, khác với mong đợi của Malaixia, tại hội nghị này, ý tưởng EAEG đã được cải biến để trở thành EAEC (East Asian Economic Caucus - EAEC). Sau khi đã đi tới nhất trí về EAEC, những người tham dự hội nghị đã khuyến nghị xem xét ý tưởng trên tại Hội

nghị thượng đỉnh ASEAN tổ chức ở Xingapo tháng 1/1992. Khuyến nghị trên của AEM 23 đã được chấp nhận. Tại hội nghị thượng đỉnh lần thứ tư ở Xingapo, các nhà lãnh đạo ASEAN tán thành EAEC, coi đó như một phần của những nỗ lực tăng cường và thiết lập hợp tác với các nước khác, các tổ chức kinh tế đa phương và khu vực như APEC. Tuyên bố Xingapo 1992 khẳng định: “Đối với EAEC, ASEAN thừa nhận rằng tham khảo về các vấn đề thuộc mối quan ngại chung giữa các nền kinh tế Đông Á vì và khi có sự cần thiết, có thể đóng góp vào việc mở rộng hợp tác giữa các nền kinh tế khu vực và thúc đẩy một hệ thống mậu dịch mở và tự do toàn cầu⁽¹²⁾.”

Sau đó, Tổng Thư ký ASEAN là ông Rusli Noor đã được giao nhiệm vụ nghiên cứu thể thức thích hợp để hiện thực hoá EAEC. Việc nghiên cứu đã được Tổng Thư ký mới là Dato Ajit Singh tiếp tục và hoàn tất.

Các quan chức ASEAN đã xem xét thể thức EAEC do Tổng Thư ký ASEAN đề nghị và trình nó cho Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN (AMM) lần thứ 26 họp vào tháng 7/1993. Hội nghị đã quyết định EAEC sẽ là “một diễn đàn trong APEC” và rằng AEM sẽ cung cấp sự hỗ trợ và phương hướng cho EAEC.

Như vậy, với quyết định của AMM 26, ASEAN đã xây dựng được một phiên bản mới cho EAEG. So với phiên bản cũ, phiên bản này có 2 cải biến mới:

Thứ nhất, EAEC không phải là Nhóm kinh tế Đông Á mà là một diễn đàn kinh tế Đông Á.

Thứ hai, EAEC sẽ là một diễn đàn kinh tế riêng, độc lập, nằm trong APEC. Tuy nhiên, EAEC sẽ không chỉ thảo luận các vấn đề của APEC. Nó có thể quyết định chương trình nghị sự và chương trình hoạt động riêng. EAEC không cần thiết phải báo cáo cho APEC.

Như vậy, từ sau AMM 26, ý tưởng EAEG đã không còn được ASEAN nhắc tới nữa. Sự thất bại của ý tưởng này là do hai nguyên nhân chính sau:

Một là, tại Đông Á đang tồn tại nhiều khái niệm chủ nghĩa khu vực có tính chất cạnh tranh nhau. Những hiện thân của các loại chủ nghĩa khu vực đó như ASEAN, APEC chưa tỏ ra có hiệu quả. Sau 25 năm tồn tại, ASEAN vẫn chỉ là một hiệp hội với một cơ chế hợp tác lỏng lẻo và thành tích nghèo nàn, nhất là trong lĩnh vực hợp tác kinh tế. Còn APEC thì quá non trẻ, dù có sự tham gia của các cường quốc kinh tế hàng đầu trên thế giới. Khi chủ nghĩa khu vực ở Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương chưa thật sự thuyết phục được các quốc gia trong vùng về giá trị của nó, thì việc chấp nhận thêm một chủ nghĩa khu vực khác, nhất là khi nó đang bị Mỹ, Ôt-xtrây-li-a, Canada phản đối, là điều hầu hết các nước ở khu vực này không mong muốn.

Thứ hai, mặc dù các nước Đông Nam Á đã trở nên phụ thuộc lẫn nhau ngày càng nhiều về kinh tế, nhưng họ lại chưa có có chung lợi ích về chính trị. Trong khi Trung Quốc xem Mỹ như là mối đe dọa an ninh thì các nước ASEAN lại coi Hoa Kỳ như một chỗ dựa về an ninh, một đối tác kinh tế hàng đầu của mình. Do đó, "Rất

nhiều nước châu Á không thoải mái với ý tưởng về một khối thương mại đối lập với châu Âu và Bắc Mỹ"⁽¹³⁾. Bình luận về EAEG, Tommy Koh, cựu Đại sứ Xingapo tại Mỹ nói "Cách thức mà ông ta đặt ra nó và ngôn ngữ là tồi... ông ta phải dừng lại ý tưởng đó vì không có sự đồng thuận trong ASEAN"⁽¹⁴⁾.

Nhằm hiện thực hoá EAEC, ASEAN đã tiến hành tham khảo ý kiến của các nước được dự kiến tham gia vào diễn đàn này. Đáp lại mong muốn của ASEAN, Trung Quốc tuyên bố ủng hộ EAEC. Nhưng Trung Quốc chỉ tham gia nếu Đài Loan và Hồng Công không được tham gia vào diễn đàn này, cho dù hai vùng lãnh thổ trên đã là thành viên của APEC từ tháng 11/1991. Nhật Bản và Hàn Quốc không đưa ra một lập trường rõ ràng, đặc biệt là khi Hoa Kỳ bày tỏ sự phản đối mạnh mẽ đối với EAEC.

Oasinhton xem EAEC không chỉ là mối đe dọa đối với APEC mà còn đối với cả sự hiện diện của Mỹ ở châu Á - Thái Bình Dương. Theo Mỹ, với việc kết nạp một số và loại ra một số nước khác trong APEC tham gia, "EAEC có thể làm suy yếu APEC". Không những thế, vào năm 1993, Hoa Kỳ còn nói thẳng Tổng thư ký ASEAN rằng: "Mỹ sẽ lo ngại về bất kỳ cái gì có thể đặt ra câu hỏi về sự cam kết đối với khu vực và loại trừ Mỹ khỏi khu vực"⁽¹⁵⁾.

Bất kể sự phản đối của Mỹ, ASEAN vẫn tiếp tục những cố gắng giải thích EAEC để giành được sự ủng hộ của các nước Đông Bắc Á. Vào tháng 11/1993, Tổng Thư ký ASEAN Dato Ajit Singh đã tới thăm ba nước này để thảo luận về

EAEC. Sau đó, ngày 25/7/1994, các ngoại trưởng ASEAN đã tổ chức một bữa ăn trưa làm việc với các Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc tại Băng Cốc bên lề AMM/PMC 27.

Tuy không thu được gì mới từ các Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc và Nhật Bản tại bữa ăn trưa trên, nhưng ASEAN đã có được một kết quả rất bất ngờ là các Bộ trưởng đã thoả thuận tiếp tục gặp gỡ trên cơ sở phi chính thức. Chính điều này đã dọn đường cho sự ra đời tiến trình ASEAN + 3 vì Hợp tác ở Đông Á sau này.

Trong 3 năm tiếp theo (1995 - 1997), các Bộ trưởng kinh tế ASEAN đã đi đầu trong các cuộc tham khảo với các đối tác Đông Bắc Á về EAEC. Vào năm 1996, Báo cáo của AEM cho biết "Sự chấp nhận về EAEC đang gia tăng giữa các nước châu Á - Thái Bình Dương" và nhất trí tiếp tục những nỗ lực của ASEAN để hiện thực hoá EAEC. Ngoài ra, AEM còn thoả thuận triển khai các chương trình để phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, phát triển nguồn nhân lực. Hội nghị giao cho Malaixia soạn thảo tài liệu về vấn đề này. Năm 1997, AEM nhắc lại một lần nữa, "sự chấp nhận đang gia tăng về EAEC trong các nước châu Á - Thái Bình Dương" và lưu ý rằng các chương trình phát triển SMEs đang được xúc tiến.

Tuy nhiên, những nỗ lực hiện thực hoá EAEC của ASEAN đã không đưa lại kết quả. Vào năm 1998, khi cuộc khủng hoảng tài chính ở Đông Á đang ở đỉnh cao, EAEC đã không còn được nhắc tới trong Tuyên bố báo chí chung của AEM. Ngay Thủ tướng Mahathia Mohamat, người khai

sinh ra ý tưởng trên cũng không theo đuổi EAEC nữa, khi ông chủ trì hội nghị Các nhà lãnh đạo kinh tế APEC tổ chức ở Malaixia vào năm 1998. ý tưởng EAEC đã bị đặt xuống một cách lặng lẽ.

Nguyên nhân dẫn tới thất bại của EAEC cũng tương tự như nguyên nhân làm tan vỡ ý tưởng EAEG của Malaixia. Nhật Bản, một trong những nước được trù liệu đóng vai trò quan trọng trong EAEC vẫn tiếp tục lạnh nhạt với ý tưởng trên. Đối với Nhật, những lợi ích mà Tokyo đã và sẽ nhận được từ quan hệ chặt chẽ với Mỹ lớn hơn những lợi ích có thể từ EAEC. Chính thái độ đó của Nhật đã là nguyên nhân chính khiến EAEC không bao giờ được hiện thực hoá.

3. Ý nghĩa của EAEG và EAEC

Mặc dù vậy, EAEG và EAEC đã có vai trò rất quan trọng trong quá trình hình thành Hợp tác ASEAN + 3. Theo cựu Bộ trưởng Ngoại giao Philippin Domingo Siazon, ý nghĩa của EAEG là ở chỗ "EAEG cung cấp một sự hợp lý đầu tiên cho việc thiết lập một nhóm Đông Á"⁽¹⁶⁾. "Mặc dù ít nhiều EAEG có tính chất trả đũa đối với sự phân biệt đối xử về mậu dịch của các nước Âu, Mỹ, nhưng nó cũng cho thấy ý chí tự cường khu vực của một số nhà lãnh đạo Đông Nam Á lúc đó, đặc biệt là Thủ tướng Mahathia Mohamat, một trong những người đã đưa Malaixia từ một nước nghèo nàn lạc hậu, tiến sát tới quy chế một nước công nghiệp hoá mới ngay từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX.

Cũng như EAEG, EAEC là lời kêu gọi các nhà lãnh đạo Đông Á chú ý tới một

thực tế đang diễn ra trong khu vực của họ. Đó là tiến trình liên kết kinh tế Đông Á đã hình thành. Nó cần được thể chế hoá để phát triển hơn và phục vụ tốt hơn cho lợi ích chung của khu vực./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hướng tới Cộng đồng Đông Á: Cơ hội và thách thức. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế do Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn tổ chức. Hà Nội 16-17/9/ 2005
- Hướng tới Cộng đồng Đông Á: Thách thức và Triển vọng . Kỷ yếu Hội thảo quốc tế do Viện Khoa học xã hội Việt Nam tổ chức. Hà Nội 14-15/9/ 2006
- Nguyễn Duy Quý: Tiến tới một Đông Nam Á hoà bình, ổn định và phát triển bền vững. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001.
- ASEAN - Japan Cooperation. A Foundation for East Asian Community". Japan Center for International Exchange. Tokyo - New York
- Regional Integration in East Asia and Europe. Covergence or Divergence. "Edited by Bertrand Fort and Douglas Webber. Published by Routledge and Center for the Study of Globalization and Regionalism. New York, London and Paris 2006.
- Termsak Chalermpanupap: Towards an East Asia Community . The Journey has begun. [Http://www.aseansec.org](http://www.aseansec.org).
- Quốc gia, Hà Nội, 2001. Tr.55
- Xem: "ASEAN in the New Asia: Issues & trends", Edited by Chia Siow Yue, ISEAS, Singapore, 1998, p.13.
- Những số liệu trên lấy từ: *Malaysian Industrial Development Authority; Board of Investment, Thailand; Capital Investment Co-ordinating Board, Indonesia, and Statistical Yearbook of China*).
- Nhờ áp dụng chiến lược công nghiệp hoá hướng ra xuất khẩu và môi trường khu vực và quốc tế thuận lợi , trong suốt 5 năm (từ 1991 tới 1995) kinh tế các nước thành viên ASEAN 6, (trừ Philippin), đều tăng trưởng liên tục với tỷ lệ năm sau cao hơn năm trước. Tốc độ tăng trưởng trung bình của Xingapo trong 5 năm đầu thập kỷ 90 thế kỷ XX là 8,%, Malaixia: 8,3%; Thái Lan: 8,3%, Indônêxia 7,0%; Philippin: 2,2%. Một vài nước ASEAN, thậm chí đã đạt mức tăng trưởng 2 chữ số kéo dài trong vài năm. Thái Lan là một ví dụ. Năm 1988, kinh tế nước này đã đạt tốc độ tăng trưởng 13,3%, mức tăng trưởng kinh tế cao nhất ở Đông Á trong năm đó. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Thái Lan đã giảm dần khi bước vào thập kỷ 90 thế kỷ XX, nhưng vẫn còn ở mức rất cao: 12,2% (1989); 11,2% (1990); 8,7% (1994) và 8,6% (1995). Nếu tính thành tiền thì trong vòng 5 năm (1990- 1995), tổng sản phẩm trong nước của Indônêxia đã tăng từ 114.414,5 triệu USD lên 201.147,6 triệu USD tức là tăng gần gấp 2 lần; các nước ASEAN khác trong nhóm. Về thu nhập bình quân tính theo đầu người: chỉ trong vòng 5 năm. thu nhập trong nước bình quân theo đầu người của Thái Lan đã tăng gấp 2 lần từ 1.451,8 USD vào năm 1990 lên tới 2.819,1 USD (1995), các con số tương ứng của Malaixia là 2.398,5 USD lên 4.226,1 USD; Philippin: từ 741,7 USD lên 1.054,5 USD. Những số liệu trên trích từ cuốn: *Tư liệu kinh tế các nước thành viên ASEAN. Nxb Thống kê, Hà Nội, 1999. Tr. 10*

CHÚ THÍCH

- Dẫn theo: Nguyễn Duy Quý: *Tiến tới một Đông Nam Á hoà bình, ổn định và phát triển bền vững*. Nhà xuất bản Chính trị

5. Trên thế giới, có rất nhiều định nghĩa khác nhau về chủ nghĩa khu vực (Regionalism). Khái niệm “Chủ nghĩa khu vực” mà chúng tôi đề cập ở đây được hiểu là “biểu hiện cụ thể của ý thức khu vực (regional consciousness). Nó cần có một biên giới để phân biệt người bên trong (thành viên) với người bên ngoài (không phải thành viên) và một khái niệm khu vực, xác định biên giới địa lý đó”.
- Xem thêm: Takashi Terada: “*The birth and Growth of ASEAN + 3*”, in *Regional integration in East Asia and Europe. Convergence or Divergence*. Edited by Bertand Fort and Douglas Webber. Routledge and Center for the Study of Globalization and regionalization. Paris, Lon don, New York, 2006. pp. 218- 236
6. Takashi Terada: “*The birth and growth of ASEAN + 3*” In “*Regional Integration in East Asia and Europe. Covergence or Divergence*”. Edited by Bertrand Fort and Douglas Webber. Published by Routledge and Center for the Study of Globalization and Regionalism. New York, London and Paris 2006. P.221
7. (a) Tỷ trọng thương mại nội khối được tính bằng công thức sau: $Xii / \{(Xi + X.i) / 2\}$, trong đó Xii là xuất khẩu của khu vực i tới khu vực i; Xi là tổng xuất khẩu của khu vực i trên toàn thế giới, và X.i là tổng xuất khẩu của thế giới vào khu vực i.
8. Những số liệu về mậu dịch giữa các nước Đông Á được sử dụng ở đây, dẫn theo bài viết *Quan hệ thương mại ASEAN + 3: Thực trạng và Triển vọng* của Thạc sỹ Bùi Trường Giang. Bài viết cho “Hội thảo Hợp tác ASEAN + 3 trong bối cảnh thượng đỉnh Đông Á” do Đề tài “Hợp tác A SEAN + 3” tổ chức tại Hà Nội, ngày 13/ 10/ 2006.
9. Dẫn theo: *Commission of the European Communities: Towards a New Asia Strategy*. P.15. Tài liệu do Viện nghiên cứu châu Á của châu Âu cung cấp cho tác giả.
10. Những số liệu về FDI của Nhật Bản được sử dụng ở đây được dẫn theo: *Narongchai Akrasanee and Apichart Prasert: “The Evolution of ASEAN - Japan Economic Cooperation”*. Bài viết này được công bố trong cuốn sách “*ASEAN – Japan Cooperation. A Foundation for East Asian Community*”. Japan Center for International Exchange. Tokyo - New York. P.68
11. Sau đó FDI của Hàn Quốc ở Trung Quốc giảm xuống 633 triệu đô la vào năm 1997, 631 triệu vào năm 1998 do Hàn Quốc bị lâm vào khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á (1997-1998).
- Những số liệu về FDI của Hàn Quốc tại Trung Quốc được sử dụng ở đây được dẫn theo bài: Võ Hải Thanh: *Triển vọng Hợp tác giữa các nước khu vực Đông Bắc Á: Vai trò của Hàn Quốc*. “Xem: Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: “*Hướng tới Cộng đồng Đông Á: Thách thức và Triển vọng*” do Viện Khoa học xã hội Việt Nam tổ chức, Hà Nội ngày 14 -15 tháng 9/2006. Tr.321
12. Xem: *Singapore Declaration*. <http://www.aseansec.org>
13. Takashi Terada : “*The birth and growth of ASEAN + 3*” In “*Regional Integration in East Asia and Europe. Covergence or Divergence*”. Ibid. P. 223
14. Dẫn theo Takashi Terada : “*The birth and growth of ASEAN + 3*” In “*Regional Integration in East Asia and Europe. Covergence or Divergence*”. P.222
15. Dẫn theo bài “*Towards an East Asia Community. The Journey Has begun*” của Termsak Chalermपालanupap, Trợ lý đặc biệt của Tổng Thư ký ASEAN. Bài trình bày tại Hội nghị bàn tròn các viện nghiên cứu Trung Quốc – ASEAN về Chủ nghĩa khu vực và xây dựng Cộng đồng, tổ chức bởi Trung tâm Nghiên cứu châu Á, Đại học Tổng hợp Hồng Công, ngày 17 - 19, 2002. Có thể lấy bài viết trên từ (<http://www.aseansec.org>).
16. Phỏng vấn cá nhân của Takashi Tarada ngày 13 tháng 10 năm 2000. *Sách đã dẫn*. Tr.221.